

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Để đảm bảo thống nhất, đồng bộ các mục tiêu sau khi hợp nhất tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Phấn đấu 56,9% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- Phần đầu 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân.

- Phần đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 80% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

2.2. Đến năm 2045: Phần đầu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Chiến lược, kế hoạch thực hiện đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn; Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng; Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; Đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; Đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin; Gắn kết chặt chẽ với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tổ chức truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

2. Về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn

2.1. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước phải phải tuân theo các quy định của pháp luật về xây dựng và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên lựa chọn đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước; Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Việc lựa chọn nguồn nước cấp cho công trình cấp nước sinh hoạt phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước, khả năng khai thác bền vững và yêu cầu bảo vệ nguồn nước sinh hoạt theo

quy định của pháp luật về tài nguyên nước; ưu tiên khai thác các nguồn nước ổn định, chất lượng tốt, hạn chế nguy cơ ô nhiễm và suy thoái nguồn nước.

- Khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng mới công trình cấp nước tại khu vực chưa có hệ thống cấp nước tập trung hoặc tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung mà làm thay đổi một cách cơ bản điều kiện chất lượng dịch vụ và mức giá nước sạch, phải yêu cầu tổ chức tư vấn tiến hành: Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng nhằm đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện.

2.2. Cấp nước quy mô hộ gia đình

- Rà soát, cập nhật, bổ sung để tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước và công trình vệ sinh hộ gia đình tại khu vực nông thôn theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các cơ chế, chính sách khác nếu có.

- Đầu tư xây dựng các bể chứa nước mưa và các hình thức trữ nước khác phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân sở tại.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước đảm bảo an toàn hộ gia đình.

2.3. Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Triển khai thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Triển khai thực hiện Hướng dẫn “Phòng, chống dịch bệnh trong tình huống xảy ra thiên tai (bão, lũ)” theo Quyết định số 237/QĐ-BYT ngày 23/01/2026 của Bộ Y tế.

- Tăng cường công tác điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn nước; theo dõi diễn biến chất lượng, trữ lượng nguồn nước sinh hoạt; khoanh vùng, công bố và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước

sinh hoạt theo quy định nhằm chủ động phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

2.4. Quản lý vận hành công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn

- Triển khai các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, các hoạt động cấp nước sạch nông thôn theo thẩm quyền.

- Sau khi công trình đầu tư xây dựng hoàn thành Chủ đầu tư thực hiện đề xuất cấp có thẩm quyền giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định pháp luật hiện hành.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phương án giá nước và thu tiền sử dụng theo bảng giá nước sạch do UBND tỉnh ban hành; Lập, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn của từng công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo cung cấp nước ổn định và quản lý các rủi ro trên toàn bộ hệ thống cấp nước từ nguồn nước qua hệ thống thu nước, quá trình xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng.

- Rà soát các công trình hiện không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả để đề xuất phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tập trung nông thôn theo đúng quy định.

3. Vệ sinh nông thôn

3.1. Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng

- Tuyên truyền nâng cao thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.

- Chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định; tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, tái sử dụng hoặc xử lý ủ compost làm nguyên liệu sản xuất phân bón sử dụng cho cây trồng, chất thải từ chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp phải được xử lý triệt để tránh ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân xung quanh.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường nông thôn; xác định khu vực ô nhiễm, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường.

- Triển khai thực hiện Hướng dẫn “*Phòng, chống dịch bệnh trong tình huống xảy ra thiên tai (bão, lũ)*” theo Quyết định số 237/QĐ-BYT ngày 23/01/2026 của Bộ Y tế.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Chú trọng công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp đối với các cụm dân cư nông thôn;

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn; quy định tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

3.3. Xử lý chất thải chăn nuôi

- Tăng cường quản lý các hoạt động chăn nuôi, gắn với việc đảm bảo môi trường chăn nuôi theo quy định; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của ngành và khuyến khích áp dụng đồng bộ các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý; Không chôn thả động vật nuôi bừa bãi gây mất vệ sinh nơi công cộng; khuyến khích hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường;

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thanh kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm tạo sức răn đe. Thực hiện kiểm tra, lấy mẫu chất thải chăn nuôi nhằm đánh giá thực hiện các biện pháp xử lý chất thải;

- Thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường chăn nuôi, điều tra thu thập thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường chăn nuôi làm cơ sở cho việc theo dõi, quản lý hoạt động môi trường trong hoạt động chăn nuôi;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng hỗ trợ người dân phát triển nông nghiệp nông thôn, trong đó ưu tiên các mô hình, dự án đầu tư xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh và công trình xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Về khoa học công nghệ

- Ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với điều kiện của từng địa phương; tăng cường sử dụng vật liệu mới trong xây dựng công trình bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa trong quản lý, vận hành, bảo vệ công trình.

5. Về huy động nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (*xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững*) và các chương trình, dự án khác có mục tiêu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, trình độ quản lý và vận hành công trình của các đơn vị cấp nước.

6. Về giám sát đánh giá

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn chất lượng; thường xuyên cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn; tăng cường chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý, giám sát chất lượng nước và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.

7. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện chính sách về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để hỗ trợ đầu tư hộ dân tự khoan giếng, đào giếng, các thiết bị thu trữ nước, xử lý nước quy mô hộ gia đình tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn trong việc đầu tư công trình cấp nước tập trung hoặc đầu tư công trình cấp nước tập trung không hiệu quả (*Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các cơ chế, chính sách khác nếu có*).

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ giá nước sạch đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ một số nội dung về nước sạch và vệ sinh nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình; Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt ở thôn, bản; thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp...; Hỗ trợ thực hiện Chương trình cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan.

- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).
- Nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Dân tộc và Tôn giáo: Trên cơ sở mục tiêu, nội dung của Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ theo lĩnh vực ngành chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo hoàn thành các mục tiêu cụ thể đã đề ra.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Tổ chức tham mưu và báo cáo kết quả thực hiện đối với các chỉ tiêu về: “Tỷ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi; Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn”.
- Theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Xây dựng: Tổ chức tham mưu và báo cáo kết quả thực hiện đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý”.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức tham mưu và báo cáo kết quả thực hiện đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ trường học có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn”.

5. Sở Y tế: Tổ chức tham mưu và báo cáo kết quả thực hiện đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn và tỷ lệ trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; Tỷ lệ người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân”.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì triển khai thực hiện hợp phần thứ hai về các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Phối hợp tham mưu đề xuất ưu tiên nguồn lực, lồng ghép từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang: Triển khai và báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước và công trình vệ sinh hộ gia đình tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các xã: Căn cứ chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước và nội dung của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai kế hoạch cụ thể để thực hiện trên địa bàn quản lý; chủ động huy động, bố trí lồng ghép các nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định. Thực hiện việc lồng ghép nội dung Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình dự án khác có liên quan tại địa phương.

9. Các đơn vị cấp nước (*Trung tâm Nước sạch nông thôn, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang, UBND các xã hoặc đơn vị thuộc xã được giao quản lý công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn*): Thực hiện quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn đảm bảo cấp nước an toàn, có hiệu quả theo đúng các quy định, hướng dẫn hiện hành tránh thất thoát, lãng phí.

(Có biểu phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*theo biểu phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo*); Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- Ngân hàng CSXH – Chi nhánh tỉnh TQ;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long